

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: **200/2022/HNGĐ -ST**

Ngày: 15/8/2022

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Xuân Hương**

- **Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khanh**

2. Bà Nguyễn Thị Lâm

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn T Hà** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên

Ngày 13 và ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T , sinh năm 1975

Địa chỉ: Căn hộ A chung cư H tổ D phường T, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T1 , sinh năm 1967

Địa chỉ: Số T, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

(Chị T và anh T1 có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Mạnh T1 kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ngày 30/10/2018, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định công nhận T ận tình ly hôn cho anh chị. Khi ly hôn hai bên thỏa T ận để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bách Tùng Lâm, anh T1 tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản, nhà ở chung: Hai bên tự thỏa T ận không yêu cầu tòa án

giải quyết.

Tuy nhiên đến thời điểm này hai bên vẫn không tự thỏa T ận được. Vì vậy, ngày 14/4/2021 chị T làm đơn khởi kiện đề nghị tòa án nhân dân quận Long Biên chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện, chị T xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: 01 nhà đất 27m2 tại số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội mua năm 2003, xây dựng nhà ở năm 2004. Năm 2016, hai vợ chồng sửa chữa, nâng cấp các tầng và tầng 4 khu sân thượng thành 01 phòng ngủ. Năm 2017 căn nhà được cấp sổ đỏ mang tên hai vợ chồng. Ngoài ra, anh chị không có tài sản chung nào khác.

Chị T yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nếu anh T1 đồng ý trả chị T số tiền mặt trị giá 500.000.000 VND (Năm trăm triệu đồng chẵn) thì chị T đồng ý để cho anh T1 toàn quyền quản lý và sử dụng nhà đất trên.

Chị T không đồng ý với phương án giải quyết của anh T1 là để anh T1 và cháu Lâm cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

***Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T1 trình bày:**

Anh Nguyễn Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị Minh T ly hôn năm 2018 theo quyết định công nhận T ận tình ly hôn số 454/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Long Biên. Khi đó, anh T1 và chị T đã tự thỏa T ận về vấn đề tài sản chung vợ chồng.

Anh T1 xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: 01 nhà đất 27m2 tại số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội mua năm 2004, xây dựng nhà ở năm 2005, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017 mang tên hai vợ chồng. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác.

Anh T1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T vì nguồn tiền mua nhà do năm 2000 sau khi kết hôn với chị T, bố mẹ để anh T1 cho 3.400 USD và chú ruột – Nguyễn Ngọc Bảo cho vay 1000 USD (Một nghìn đô la Mỹ) và 10.000.000 VND (Mười triệu đồng chẵn). Cùng năm 2000, anh chị dùng nguồn tiền đó mua đất ở Tam Trinh, sau đó bán đất ở Tam Trinh có lãi mới có tiền mua đất tại địa chỉ số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội. Năm 2004, anh chị mua đất của ông Phan Văn Hưu với giá 176.000.000 VND (Một trăm bảy mươi sáu triệu). Năm 2005, vợ chồng xây nhà tại địa chỉ số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội và ở cho đến thời điểm này. Vợ chồng xây nhà 3,5 tầng thì chỉ có 30.000.000 VND (Ba mươi triệu đồng), mẹ để anh T1 cho thêm 40.000.000 VND (Bốn mươi triệu đồng). Theo như ghi chép trong sổ sách (anh T1 xuất trình tại tòa án) thì hai vợ chồng có vay nợ bên họ hàng nhà nội. Chị T chỉ đóng góp tiền thưởng tết là 4.000.000 VND (Bốn triệu đồng) và lương tháng 4/2004 là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng). Trong khi tổng tiền xây dựng nhà là 146.400.000 VND (Một trăm bốn sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Anh T1 đã thanh toán toàn bộ số nợ trên bằng tiền lương của anh. Tháng

10/2016, anh chị có sơn sửa lại nhưng không tôn tạo gì thêm. Tiền sửa chữa này hoàn toàn là của anh T1, chị T có đưa cho anh T1 một số tiền nhưng nhỏ nên anh T1 không ghi chép lại.

Theo anh T1, nhà đất này hoàn toàn là nguồn tiền của anh T1 và gia đình anh T1, chị T không đóng góp gì.

Trên thực tế, anh T1 chỉ mua của ông Phan Văn Hưu 27m² nhưng trong GCNQSDĐ ghi là 30m² vì sự sai lệch trên mà anh chị không thể bán nhà được nên hai bên đã thỏa thuận không chia mà để lại căn nhà này cho con trai chung duy nhất là cháu Nguyễn Bách Tùng Lâm khi cháu trưởng thành và xây dựng gia đình. Anh T1 đưa ra phương án sang tên phần của chị T cho con chung của anh chị là cháu Nguyễn Bách Tùng Lâm hoặc đề nghị tòa án phân định chỗ ở do tại thời điểm hiện tại, anh T1 không có điều kiện để thanh toán tiền theo yêu cầu của chị T vì anh T1 không có việc làm ổn định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2022, ông Nguyễn Ngọc Bảo trình bày:

Năm 2000, ông Bảo có cho anh Nguyễn Mạnh T1 – là cháu ruột ông vay 1000 USD (Một nghìn đô la Mỹ) và 10.000.000 VND (Mười triệu đồng). Anh T1 bảo vay để mua đất nên ông Bảo cho vay và không tính lãi. Đến năm 2021, anh T1 đã trả hết nợ vay cho ông. Nay anh T1 và chị T giải quyết về việc chia tài sản sau ly hôn tại tòa án ông đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày ngày 10/7/2022, ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Đỗ Thị Vân trình bày:

Ông T1 và bà Vân có con trai lớn là Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1967. Năm 2000, anh T1 kết hôn với chị T. Do khi kết hôn anh chị chưa có nhà ở nên ông bà đã bán một căn nhà của ông bà tại Hải Phòng để giúp vợ chồng anh T1 chị T mua một mảnh đất tại đường Tam Trinh, Hà Nội. Số tiền đó là 3400 USD (Ba nghìn bốn trăm đô la Mỹ) tương đương khoảng 51.000.000 VND (Năm một triệu đồng) tại thời điểm đó.

Năm 2004, anh T1 chị T đã bán căn nhà ở Tam Trinh và sang Long Biên mua đất làm nhà. Do hoàn cảnh lúc đó của anh chị khó khăn, không đủ tiền xây nhà nên ông bà tiếp tục cho anh chị thêm 40.000.000 VND (Bốn mươi triệu đồng). Cả hai lần ông bà đều đưa tiền trực tiếp cho anh T1, không có mặt chị T. Đề nghị tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi cho anh T1.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2022, bà Nguyễn Thị Thu Hương – công chức địa chính phường Thượng Thanh cung cấp:

Thửa đất số 233-1, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: tổ 13 phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội; diện tích 30m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI875549, sổ vào sổ cấp GCN: CS_LB 08302 do Sở Tài nguyên và môi trường TP. Hà Nội cấp ngày 30/6/2017 cho anh Nguyễn Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị Minh T.

Hiện nay diện tích sử dụng thực tế còn lại là 27m². Việc chênh lệch diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3,0m² này là do sai số trong đo đạc khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T1 và chị T.

Tại biên bản làm việc ngày 25/7/2022, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Long Biên cung cấp:

Thửa đất số 233-1, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: tổ 14 phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội được UBND quận Long Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 331916 ngày 14/10/2010 cho ông Phan Văn Hưu.

Ngày 30/6/2017, Sở Tài nguyên và môi trường TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI875549 cho anh Nguyễn Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị Minh T do nhận chuyển nhượng thửa đất trên.

Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Long Biên tiến hành bàn giao tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nguồn gốc đất, nhà, quá trình kê khai quản lý và sử dụng đất (từ bút lục số 73 đến bút lục số 81).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T. Đề nghị HĐXX ghi nhận việc chị T tự nguyện nhận số tiền 500.000.000VND (Năm trăm triệu đồng) trên tổng giá trị tài sản chung là 1.208.109.600 VND (Một tỉ hai trăm linh tám triệu một trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, chị T không yêu cầu anh T1 thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác.

Buộc anh T1 phải thanh toán cho chị T số tiền 500.000.000VND (Năm trăm triệu đồng). Giao cho anh T1 được toàn quyền quản lý sử dụng nhà đất trên.

Về án phí: Anh chị chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Minh T khởi kiện vụ án về việc “ Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T1 địa chỉ cư trú tại số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, quận Long Biên, TP. Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 40 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Mạnh T1, hiện chị T và anh T1 đều có mặt tại phiên tòa.

*** Về tài sản chung:**

{1} Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, anh Nguyễn Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị Minh T kết hôn năm 2000 và ly hôn theo quyết định số 454/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

01 nhà đất tại thửa đất số 233-1, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội được cấp GCNQSDĐ số CI875549, số vào sổ cấp GCN: CS_LB 08302 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Minh T là tài sản chung vợ chồng. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác.

{2} Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 12/7/2022, tài sản chung sau ly hôn của anh T1 và chị T có giá trị như sau:

- 01 căn nhà 04 tầng, lợp mái tôn trị giá: 128.109.600 VND (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng)

- Quyền sử dụng thửa đất số 233-1, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội trị giá: 1.080.000.000 VND (Một tỉ không trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Tổng giá trị tài sản chung là 1.208.109.600 VND (Một tỉ hai trăm linh tám triệu một trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng).

{3} Xem xét công sức đóng góp của chị T và anh T1.

Xét công sức đóng góp của chị T và anh T1 tạo dựng nên khối tài sản chung vợ chồng là ngang nhau. Do chị T cũng có đóng góp vào việc tạo dựng nên khối tài sản chung vợ chồng bằng việc chăm lo gia đình, con cái để anh T1 yên tâm làm việc kiếm tiền trả nợ.

Tòa án xét thấy quá trình mua đất và xây nhà đều có sự hỗ trợ bằng tiền của bố mẹ đẻ anh T1. Do vậy, khi phân chia sẽ chia cho anh T1 phần nhiều hơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn yêu cầu cũng như lời trình bày tại tòa án là chị T tự nguyện nhận thanh toán số tiền 500.000.000VND (Năm trăm triệu đồng). Ngoài ra, chị T không yêu cầu anh T1 thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác.

{4} Về việc phân chia tài sản cụ thể như sau:

Tòa án ghi nhận việc chị T tự nguyện nhận số tiền 500.000.000VND (Năm trăm triệu đồng) trên tổng giá trị tài sản chung là 1.208.109.600 VND (Một tỉ hai trăm linh tám triệu một trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, chị T không yêu cầu anh T1 thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác.

Buộc anh T1 phải thanh toán cho chị T số tiền 500.000.000VND (Năm trăm triệu đồng). Giao anh T1 quản lý sử dụng nhà đất tại thửa đất số 233-1, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội được cấp GCNQSDĐ số CI875549, số vào sổ cấp GCN: CS_LB 08302 ngày 30

tháng 6 năm 2017 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Minh T .

Việc thi hành án thực hiện theo Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Điều 357 Bộ luật dân sự.

{5} Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

{6} Về án phí: Chị T và anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tài sản mà mình được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Căn cứ các Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ các Điều 29, 33, 37, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức T , miễn, giảm, T , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T .

2. Xác nhận khối tài sản chung của chị T , anh T1 gồm: 01 nhà đất tại thửa đất số 233-1, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội được cấp GCNQSDĐ số CI875549, số vào sổ cấp GCN: CS_LB 08302 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Minh T là tài sản chung vợ chồng. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác.

3. Về việc phân chia tài sản cụ thể như sau:

Tòa án ghi nhận việc chị T tự nguyện nhận số tiền 500.000.000VND (Năm trăm triệu đồng) trên tổng giá trị tài sản chung là 1.208.109.600 VND (Một tỉ hai trăm linh tám triệu một trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, chị T không yêu cầu anh T1 thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác.

Buộc anh T1 phải thanh toán cho chị T số tiền 500.000.000VND (Năm trăm triệu đồng). Giao anh T1 quản lý sử dụng nhà đất tại thửa đất số 233-1, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ số 4 ngõ 96/38/28 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội được cấp GCNQSDĐ số CI875549, số vào sổ cấp GCN: CS_LB 08302 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Minh T .

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên

thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh chậm trả được thực hiện theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu số tiền 29.000.000 VND (Hai mươi chín triệu đồng) và anh Nguyễn Mạnh T1 phải chịu số tiền 29.243.288 VND (Hai chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng). Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0065100 ngày 18/5/2022 tại Chi cục thi hành án quận Long Biên nay còn phải nộp 5.675.000 VND (Năm triệu sáu trăm bảy lăm nghìn đồng).

5. Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND q. Long Biên
- Chi cục THADS q. Long Biên
- UBND p Việt Hưng - Long Biên - Hà Nội.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Hương

